

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập
thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo (sau đây gọi là Hội đồng quản lý), mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan quản lý cấp trên; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo được cấp có thẩm quyền thành lập theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các cơ sở giáo dục có Hội đồng trường được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường theo quy định của pháp luật chuyên ngành và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản lý theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ; NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH (NẾU CÓ), THƯ KÝ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý và nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có), Thư ký và thành viên Hội đồng quản lý

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

a) Điều hành Hội đồng quản lý thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý và quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tổ chức việc giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả quản lý điều hành của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và hàng năm, hàng quý hoặc hàng tháng của Hội đồng quản lý; lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý;

d) Triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý; chỉ đạo chuẩn bị các chương trình, tài liệu cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý;

đ) Ký văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản lý;

e) Phân công nhiệm vụ và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản lý;

g) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý quy định tại khoản 5 Điều này;

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý và Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;

i) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý (nếu có)

a) Điều hành hoạt động của Hội đồng quản lý khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền;

b) Ký văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản lý theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều này.

d) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Hội đồng quản lý

Thư ký Hội đồng quản lý thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổng hợp thông tin về hoạt động của đơn vị báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý; chuẩn bị chương trình nghị sự, tài liệu, giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp của Hội đồng quản lý; xây dựng, hoàn chỉnh, lưu trữ các văn bản của Hội đồng quản lý;

b) Chuẩn bị các báo cáo, văn bản giải trình với cơ quan nhà nước và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý;

c) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý

a) Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý phân công; các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý và Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và hàng năm; đề xuất nội dung và các vấn đề cần thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản lý;

c) Dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý, góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý;

d) Được cung cấp và tiếp cận thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác của Hội đồng quản lý theo quy định; được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật và quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Điều 4. Số lượng, cơ cấu thành viên của Hội đồng quản lý

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản lý phải là số lẻ, với số lượng theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, trong đó có Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có), Thư ký và các thành viên khác của Hội đồng quản lý. Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có), Thư ký và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập bổ nhiệm.

2. Cơ cấu thành viên của Hội đồng quản lý

a) Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục (nếu có);

b) Đại diện cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP;

c) Đại diện lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý (lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm này bao gồm: người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập);

d) Đại diện viên chức, người lao động của đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý;

đ) Đại diện các chuyên gia, nhà quản lý am hiểu về các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Số lượng, cơ cấu cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý hoạt động theo quy chế hoạt động được cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Các quy định chung;

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý;

c) Số lượng, cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý;

d) Nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có), Thư ký và thành viên Hội đồng quản lý; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có), Thư ký và thành viên Hội đồng quản lý;

đ) Nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng quản lý;

e) Mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan quản lý cấp trên; mối quan hệ công tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác (nếu có);

g) Điều kiện làm việc và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cần thiết sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động, Hội đồng quản lý thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý gửi cơ quan thẩm định trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Điều 6. Nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, trừ trường hợp quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý quy định tỷ lệ biểu quyết cao hơn. Quyết định của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng hình thức Nghị quyết.

2. Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập trong Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Thành viên Hội đồng quản lý là công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị khác làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; các thành viên Hội đồng quản lý là viên

chức, người lao động của đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm và được xác định trong Đề án thành lập Hội đồng quản lý.

3. Hội đồng quản lý tổ chức cuộc họp theo yêu cầu công việc của Hội đồng quản lý và được xác định trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý được coi là họp lệ khi có trên 2/3 số thành viên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng hoặc 01 thành viên Hội đồng quản lý được phân công hoặc ủy quyền chủ trì cuộc họp. Thẩm quyền triệu tập, chủ trì họp Hội đồng quản lý và việc ủy quyền điều hành Hội đồng quản lý khi Chủ tịch Hội đồng quản lý không thể làm việc trong khoảng thời gian nhất định được xác định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

4. Hội đồng quản lý được sử dụng con dấu và bộ máy tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai công việc của Hội đồng quản lý.

5. Định kỳ 03 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản lý báo cáo cấp có thẩm quyền về kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

2. Mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và các quy định sau đây:

a) Hội đồng quản lý chủ trì, phối hợp với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng, ban hành quy chế phối hợp trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý và thực hiện nhiệm vụ của đơn vị;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản lý trong việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý; có trách nhiệm định kỳ hoặc đột xuất báo cáo các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Hội đồng quản lý.

Chương III

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH (NẾU CÓ), THƯ KÝ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có), Thư ký và thành viên Hội đồng quản lý

1. Đối với Chủ tịch Hội đồng quản lý

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Đảng và pháp luật;

b) Là công chức hoặc viên chức;

c) Có uy tín, năng lực và kinh nghiệm quản lý đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Đối với Phó Chủ tịch (nếu có), Thư ký và thành viên Hội đồng quản lý

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để đảm nhận công việc;

b) Không trong thời gian bị khởi tố, truy tố, điều tra, xét xử, không trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật hoặc không trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật;

c) Có trình độ từ đại học trở lên;

d) Đủ tuổi công tác ít nhất 01 nhiệm kỳ (đối với trường hợp bổ nhiệm mới) hoặc đáp ứng đủ thời gian còn lại của nhiệm kỳ (đối với trường hợp thay thế thành viên Hội đồng quản lý);

đ) Không phải là vợ (chồng); bố, mẹ, người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc bố, mẹ, người trực tiếp nuôi dưỡng vợ (chồng); con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; anh, chị, em ruột; anh, chị, em ruột của vợ (chồng) theo quy định của pháp luật của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Đảng và pháp luật.

Điều 9. Điều kiện miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có), Thư ký và thành viên Hội đồng quản lý

1. Miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có), Thư ký và thành viên Hội đồng quản lý nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi làm nhiệm vụ;

b) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc để điều trị bệnh quá 06 tháng mà khả năng lao động chưa phục hồi;

d) Bị kết tội bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án;

đ) Không còn đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này;

e) Có hai năm liên tiếp được đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức hoặc người lao động ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

g) Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm;

h) Có các vi phạm khác được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

i) Chuyển công tác hoặc nghỉ hưu hoặc thôi việc hoặc chết;

k) Các trường hợp khác theo quy định của Đảng, pháp luật.

2. Người có thẩm quyền bổ nhiệm quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP xem xét, quyết định miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có) và thành viên Hội đồng quản lý.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~25~~ tháng 3 năm 2025.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý đã thành lập Hội đồng quản lý trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm rà soát, kiện toàn Hội đồng quản lý cho phù hợp với quy định tại Thông tư này trước ngày 01 tháng 6 năm 2025.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này hết hiệu lực thì các quy định tương ứng tại Thông tư này hết hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để hướng dẫn, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ; Công báo, Công thông tin điện tử;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



*Hoàng Minh Sơn